TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM ĐẢO** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HSST
Ngày 29 tháng 10 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Vân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Xuân Thỏa;

- Ông Lê Duy Nguyên. .

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Đảo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Phương, Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2019/HSST ngày 10 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 50/2019/HSST-QĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Phùng Văn B, sinh ngày 16/2/1979 tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Gia D (đã chết) và bà Phạm Thị T; vợ: Vương Thị H; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam trong vụ án khác đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Văn C, sinh ngày 15/01/1985 tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Lương Thị Q; vợ: Nguyễn Thị H; có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: 01tiền sự, tại Quyết định số 04ngày 9/8/2018 của Công an thành phố Vĩnh Yên xử phạt hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Mức phạt 1.500.000 đồng đến nay chưa nộp phạt; nhân thân: tại Quyết định số103ngày 30/10/2012 của Công an huyện Tam Đảo xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau. Mức phạt 750.000 đồng; tại Quyết định số 04 ngày 18/8/2015 của Tòa án huyện Tam Đảo quyết định áp

dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 12 tháng; tại Quyết định số 153 ngày 25/9/2017 của Công an huyện Tam Đảo xử phạt hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Mức phạt 1.500.000 đồng; bị cáo bị bắt tạm giam trong vụ án khác đến nay (có mặt).

3. Viên Văn M, sinh ngày 05/2/1987 tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Viên Văn H và bà Diệp Thị B; vợ: Lưu Thị L (đã ly hôn); có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: 01; tại Quyết định số 05 ngày 12/6/2018 của Tòa án huyện Tam Đảo quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 18 tháng, M chưa chấp hành xong; nhân thân: tại Quyết định số 114ngày 14/11/2011 của Công an thành phố Vĩnh Yên xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Mức phạt 750.000 đồng; tại Bản án số 33ngày 28/7/2015 của Tòa án huyện Tam Đảo xử phạt 07 tháng tù về tội chống người thi hành công vụ; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/2/2019 đến nay (có mặt).

4. Nguyễn Thanh T, sinh ngày 12/6/1993 tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Phùng Thị B; vợ: Nguyễn Thu H; có 01 con; tiền án: 01 tại Bản án số 49 ngày 24/9/2018 của Tòa án huyện Tam Đảo xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; tiền sự: Không; nhân thân: tại Bản án số 05ngày 23/11/2011 của Tòa án huyện Tam Đảo xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản; tại Bản án số 46 ngày 10/8/2012 của Tòa án huyện Tam Đảo xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tổng hợp với 09 tháng tù cho hưởng án treo của bản án trước. Buộc T phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 02 năm 03 tháng; tại Quyết định số 56 ngày 13/7/2015 của Công an huyện Tam Đảo xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau. Mức phạt 750.000 đồng; tại Quyết định số 122 ngày 27/7/2017 của Công an huyện Tam Đảo xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác. Mức phạt 2.500.000 đồng; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/2/2019 đến nay (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hoàng Vũ Nhật A, sinh năm 1997; trú tại: Thôn Ấ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Anh Viên Văn T, sinh năm 1992; trú tại: Thôn G, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1992; trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Ông Lại Văn N, sinh năm 1966; trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Ông Viên Văn H, sinh năm 1968; trú tại: Thôn Ấ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00’ ngày 17/02/2019, Nguyễn Thanh T làm nhân viên tại quán Karaoke Lasvegas của gia đình chị Nguyễn Thị L lên cơn nghiện ma túy. T gọi điện thoại cho Hoàng Vũ Nhật A (tên khác là D) hỏi D “có đồ không cho chú xin ít” D hiểu ý T hỏi có ma túy đá không cho T xin ít D trả lời “không có”, T nói tiếp “có đồ không để cho chú 500.000 đồng” ý T hỏi D có ma túy không bán cho T 500.000đ D bảo “vâng để cháu gọi, một tiếng sau cháu gọi lại”. Do biết Viên Văn M là đối tượng nghiện ma túy và biết chỗ mua ma túy nên D đã gọi điện thoại cho M và hỏi “đang ở đâu”? Lúc đó, M và Viên Văn T đang chơi và sử dụng ma túy đá ở nhà Phùng Văn B nên M trả lời “đang ở Kim Long, Tam Dương”, D nói tiếp “T muốn mua 800.000đ tiền ma túy, anh mang về cho T”, M nói “không có tiền để lấy”, D nói tiếp “cứ mang về đi T khác trả tiền, anh điện về cho T” nên M đồng ý. Sau khi T gọi điện thoại cho D xong, T vào gặp chị Hoàng Thị L (là vợ của anh Trần Văn Đ là người quản lý quán Karaoke Lasvegas) hỏi vay 500.000 đồng để đi chơi, chị L đồng ý. Sau khi vay được tiền, T chở 03 nhân viên của quán gồm chị Triệu Thị P, chị Trần Thị D và chị H (T không rõ tên, tuổi, địa chỉ) đi đến quán Karaoke Tâm Tư ở xã Đạo Trù chơi. Trên đường đi, T nhận được điện thoại của M, do T đang điều khiển xe nên không nghe máy, T đưa điện thoại cho chị P nghe, sau khi nghe xong chị P nói lại với T “có người hỏi anh, em nói anh đang lái xe nên người ta tắt máy”. T cùng với P, D và H đến quán Tâm Tư ngồi chơi uống nước trả tiền hết 100.000 đồng rồi đi về quán Karaoke Lasvegas. Khoảng 19 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại lại cho M hỏi “ai đấy” M trả lời “anh M kiểm lâm đây” M hỏi T “đang ở đâu” T nói “đang ở quán Karaoke Lasvegas”, M hỏi tiếp “mày điện cho D lấy đồ đúng không” T trả lời “vâng” M hỏi “ở đâu” thì T bảo “mang về quán”. Do M biết B có ma túy bán nên M nói với B “có người hỏi mua 800.000đ tiền ma túy”, B hỏi “chúng nó có tiền không”, M nói “anh cho người đi cùng lên lấy tiền”. B đồng ý và đi vào buồng ngủ lấy 02 Ti ma túy bên trong chứa

các hạt tinh thể dạng đá màu trắng, đựng chung trong 01 túi nilon màu trắng đưa cho M, M cầm giấu vào túi quần đang mặc rồi xin B 01 coóng thủy tinh, 02 đoạn ống hút, B đồng ý và cho M rồi B bảo Nguyễn Văn C là người làm thuê xây tường rào cho nhà B đi theo M lên Tây Thiên cầm 800.000đ về cho B, C hiểu ý B bảo C đi theo M cầm 800.000đ tiền bán ma túy, C đồng ý. Lúc này, T cũng đi về nên M đi cùng T, M điều khiển mô tô BKS 88E1-283.56 của T chở T đi còn C một mình đi xe mô tô (không có BKS) của B đi theo sau. Khi về đến khu vực xã Tam Quan, huyện Tam Đảo, M nhận được điện thoại của T hỏi M "lên tới đâu rồi," M trả lời "lên gần tới nơi". T nói với M cứ cầm ma túy vào quán thì T sẽ đưa tiền. Khi đi đến khu vực cây xăng Nhân Lý, xã Tam Quan, huyện Tam Đảo, T1 nói với M, T1 vào quán mua thẻ điện thoại, thì M trả xe cho T1 và sang đi cùng xe C đến quán Lasvegas đưa ma túy cho T. Khoảng 19 giờ 30', M và C lên tới nơi. Tại đây, M gặp T và hỏi tiền đâu (ý hỏi tiền mua ma túy đâu) T hỏi M bao nhiêu tiền, nói xong T lấy ra 400.000 đồng ra để ở bàn, thì M bảo "sao có 400.000đ", T bảo M "Anh không nói lại với anh à, bảo mua 500.000đ thôi". Thấy vậy, C mượn điện thoại của T gọi cho B nói "chúng nó đưa có 400.000đ thôi" B nói "thế thì cầm 01 Ti về cho anh". Nghe B nói vậy C tắt máy rồi bảo M "thế bỏ bớt 01 Ti ra" T bảo "đã cầm lên đây để em lấy tất". Sau đó, T đi vào phòng vay của chị L thêm 200.000đ (T không nói cho chị L biết T vay tiền để mua ma túy) ra đưa cho C, C bảo chưa đủ. C tiếp tục lấy điện thoại của T gọi lại cho B nói chỉ có 600.000đ thôi. Lúc này, T bảo C đưa điện thoại cho T nói chuyện với B và xin nợ lại 200.000đ, B đồng ý. T đưa lại điện thoại cho C tiếp tục nói chuyện với B, B nói "cho nó nợ lại 200.000đ, nó đưa thêm 200.000đ nữa" thì C cầm 600.000đ và cho T nợ lại 200.000đ. Sau khi đưa tiền, T hỏi C đồ đâu, ý T hỏi C ma túy đâu? C nói "M cầm rồi". Nói xong C đi về nhà B, trả cho B 600.000đ tiền bán ma túy cho T. Lúc này, M lấy 02 túi ma túy được đựng trong 01 túi nilon đưa cho T. T cầm giấu vào túi quần, rồi gọi điện thoại Duy bảo Duy về quán để sử dụng trái phép chất ma túy. Lúc sau, D đi cùng anh Đỗ Văn H đến quán Karaoke Lasvegas. Tại đây, T, M, H, D đi vào phòng nghỉ của nhân viên, M, anh H chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy, M lấy coóng thủy tinh và đoạn ống hút xin tại nhà B còn anh Hùng lấy chai nhựa loại chai chanh muối để đục 2 lỗ ở nắp chai làm bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá. M nói sử dụng ma túy tại phòng nghỉ, nhưng T không đồng ý, D bảo lên đổi sử dụng ma túy, T không đồng ý vì không có người trông quán và bảo lấy phòng hát để vừa hát vừa sử dụng ma túy. T đi vào phòng hát bật nhạc H, M, Duy không nói gì cùng đi vào phòng hát. T đi ra bảo D và Trần Thị H đều là nhân viên quán hát vào

phòng hát để chọn bài và rót bia. Lúc này, T1 đến quán hát gặp T, hỏi M đâu, T bảo M dưới phòng, T1 cũng vào phòng hát cùng các đối tượng. Khi đã đông đủ, H nói đồ đâu bỏ ra chơi, T đồng ý và đưa cho Hùng 01 trong tổng số 02 túi ma túy vừa mua được của M để Hùng cho ma túy vào coóng thủy tinh để sử dụng. Tại đây các đối tượng T, M, A, T1, H, Huế, Dương đang sử dụng trái phép chất ma túy thì bị lực lượng Công an huyện Tam Đảo kiểm tra phát hiện. Do hoảng sợ nên T đã cất giấu 01 túi ma túy còn lại dưới dễ gốc cây cạnh nhà vệ sinh của quán Karake Lasvegas.

Tang vật thu giữ gồm: 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy gồm: 01 ống nhựa có nắm được khoan lỗ nhỏ, 01 ống hút bằng nhựa, 01 cóng thủy tinh, 01 bật lửa; 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa bán dính các hạt tinh thể dạng đá màu trắng. Các đối tượng khai nhận đó là túi đựng ma túy đá vừa sử dụng xong. Vật chứng là 01 túi nilon và 01 chiếc cóong tả trên được niêm phong ký hiệu M1. Thu giữ tại phần rễ gốc cây gần tường nhà tắm của quán Karaoke Lasvegas có 01 túi nilon nhỏ màu trắng, là loại Ti zíp, miệng túi có viền màu đỏ, bên trong có một túi nilon nhỏ màu trắng chứa các hạt tinh thể dạng đá màu trắng. T khai nhận đó là túi ma túy đá T mua của M để sử dụng, niêm phong ký hiệu M2. Tạm giữ của T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại 1280; của M 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; của D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung; của H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Vision BKS: 88E1-27115; của T1 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xeAirBrade BKS: 88E1-28356 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO.

Tại bản kết luận giám định số 257/KLGĐ ngày 21/02/2019, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: "Tinh thể bám dính trong cóng thủy tinh và trong túi nilon của mẫu ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Tinh thể dạng đá của mẫu ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 0,2299g (Không phảy hai hai chín chín gam, không kể bao bì) loại Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 323, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ".

Về nguồn gốc 02 gói ma túy M mang bán cho T vào tối ngày 17/02/2019 là của B. Do tối hôm đó M ở nhà B thì D gọi điện thoại cho M bảo M lấy 800.000đ tiền ma túy về bán cho T, M đồng ý. Lúc này, M đang ở nhà B, M nói với B có người hỏi mua ma túy thì B hỏi lại M chúng nó có tiền không, M bảo cho người đi theo lấy tiền. Do đó B đã đưa cho M 02 gói ma túy mang bán cho T đồng thời B

chỉ đạo C đi theo áp tải M mang ma túy về quán Lasvegas để bán cho T rồi cầm 800.000đ về cho B. Sau đó M, C mang 02 gói ma túy đến quán Lavegas bán cho T. Tại đây, T đưa không đủ số tiền B dặn nên C đã mượn điện thoại của T để gọi cho B rồi đưa điện thoại cho B nói chuyện với T. T bảo B cho T nợ lại 200.000đ, B đồng ý, sau đó T đưa cho C 600.000đ và nợ lại 200.000đ, C cầm tiền về đưa cho B.

Tại Cơ quan điều tra, Phùng Văn B không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, B khai: Buổi chiều ngày 17/2/2019, B đang ở nhà dọn dẹp, đến hơn 17 giờ cùng ngày, B đang tắm thì Phùng Văn A, SN 2007 là con trai của B gọi "Bố ơi có mấy chú vào". Khoảng 15 phút sau, B tắm xong đi vào nhà thấy có C, M đều ở huyện Tam Đảo (B không biết họ, tên, địa chỉ cụ thể) và một người nữa B không biết tên B vào mời nước và ngồi nói chuyện với họ. Đến khoảng 17 giờ 45 phút thì mọi người đi về, B gọi C hỏi "có tiền trả cho anh?" C nói "chờ em tý em đi lấy tiền về em trả". Ba người đi bằng hai xe máy về, sau đó C có đến nhà trả B 600.000 đồng. B không đưa ma túy cho M và cũng không bảo C đi cùng M để lấy tiền mà có từ việc bán trái phép chất ma túy. Tuy nhiên tại các lời khai của Nguyễn Văn C, Viên Văn M, Nguyễn Thanh T và Phùng Văn A, Viên Văn T1, List thu giữ điện tín từ số điện thoại của T và B xác định tối ngày 17/02/2019, B đưa cho M 02 túi ma túy để M mang bán cho T đồng thời B chỉ đạo C đi theo M mang ma túy về quán Lasvegas bán cho T rồi cầm tiền 600.000đ về cho B.

Đối với Hoàng Vũ Nhật A (D), quá trình điều tra xác định: Chiều tối ngày 17/02/2019, D nhận được điện thoại của T nhờ mua 500.000đ tiền ma túy, tuy không có ma túy nhưng D vẫn đồng ý và gọi điện cho M bảo M mang về bán cho T 800.000đ tiền ma túy. Việc D tự ý tăng số tiền từ 500.000đ lên 800.000đ là để T mua được nhiều ma túy thì được sử dụng nhiều chứ không nhằm mục đích gì khác. Sau khi gọi điện cho M mang ma túy về bán cho T, D cũng không biết sau đó T có mua được ma túy hay không, đến khi T gọi điện bảo về quán, D mới biết T đã mua được ma túy. Hành vi của D cơ quan điều tra không đề cập xử lý nên Tòa án không xem xét. Tuy nhiên, cần kiến nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Đảo tiếp tục điều tra hành vi của D khi nào có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Viên Văn T1, quá trình điều tra xác định: Chiều ngày 17/02/2019, T1 điều khiển xe máy BKS 88E1-28356 chở M đến chơi và sử dụng ma túy tại nhà B. Sau đó, B đưa ma túy cho M cầm về bán cho T, C đi theo lấy tiền. Khi ra về M điều khiển xe của T1 chở T1, về đến cây xăng Nhân Lý, xã Tam Quan, T1 vào quán mua thẻ điện thoại, M sang xe đi cùng C, T1 không biết gì về việc B đưa ma túy cho M cầm về bán cho T và bảo C đi theo cầm tiền bán ma túy về cho B

nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với T1 là phù hợp. Đối với 01 chiếc xe máy BKS 88E1-28356, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông Viên Văn H là bố đẻ của T1 nên ngày 27/3/2019, cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho ông H là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma Ty của T, M, Nhật A (D), T1, H, Huế và Dương vào tối ngày 17/02/2019, xuất phát từ việc T mua ma Ty của M để sử dụng, thỏa mãn nhu cầu của cá nhân T không nhằm mục đích tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Việc T sử dụng ma túy cùng M, A, H, T1, Huế và Dương là tự phát và tự nguyện chứ T không rủ rê, lôi kéo ai. Việc T cùng các đối tượng sử dụng ma túy tại phòng hát do T là nhân viên, sắp xếp phòng hát nhưng vẫn phải trả tiền cho chủ quán là chị L. Do vậy, hành vi của T không cấu thành tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy; Lôi kéo người khác sử dụng chất ma túy quy định tại Điều 256, 257, 258 của Bộ luật Hình sự. Mặt khác, T đã bị khởi tố bị can về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, M đã bị khởi tố về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy, do vậy cơ quan CSĐT Công an huyện Tam Đảo không đề cập xử lý hành chính đối với M và T về hành vi này. Đối với H, T1, Nhật A, Huế, Dương ngày 15/7/2019, cơ quan Công an huyện Tam Đảo đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp.

Đối với Hoàng Thị L quá trình điều tra xác định: Chiều ngày 17/02/2019, chị L cho T vay tổng số tiền 700.000đ, T đã sử dụng 600.000đ vào việc mua ma Ty. Khi cho T vay tiền, do T hỏi vay để đi chơi nên chị L không biết T dùng tiền để mua trái phép chất ma túy. Khi T xuống nói với chị L các đối tượng lấy phòng hát, chị L không biết các đối tượng sử dụng phòng hát để sử dụng trái phép chất ma túy nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị L là phù hợp.

Đối với Nguyễn Thị L là chủ quan karaoke Lavegas và Trần Văn Đ là người được chị L ủy quyền quản lý quán hát. Đ đã thuê T đến quản lý và duy trì hoạt động của quán. Quá trình điều tra xác định, chiều ngày 17/02/2019, Chị L về nhà chồng ở Hà Nội, anh Đ đi Tây Thiên đến sáng ngày 18/02/2019 mới về quán. Chị L, anh Đ không biết gì về việc tối ngày 17/02/2019, T cùng các đối tượng trên thuê phòng hát và sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị L và anh Đ là phù hợp.

Đối với chị Vương Thị H là vợ của Phùng Văn B, quá trình điều tra xác định ngày 17/02/2019, chị H đi làm đến 20h tối mới về nên chị H không biết gì về việc B cùng T1, M sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà cấp 4 cũ của gia đình, chị H

cũng không biết gì về việc B đưa ma túy cho M đi bán cho T rồi bảo C đi cầm tiền về cho B nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị H là phù hợp.

Quá trình điều tra xác định: Ngoài hành vi phạm tội trên Phùng Văn B và Nguyễn Văn C còn thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy trên địa bàn huyện Tam Dương. Ngày 25/4/2019 và 10/5/2019 B và C đã bị cơ quan CSĐT - Công an huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc khởi tố về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo quy định tại điều 251của Bộ luật Hình sự.

Tại Cáo trạng số 49/CT-VKSTĐ ngày 14/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố các bị cáo Phùng Văn B, Nguyễn Văn C và Viên Văn M về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Nguyễn Thanh T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Văn B từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Viên Văn M từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy mẫu vật ma túy được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc hoàn trả lại sau giám định gồm cóng thủy tinh, túi nilon của mẫu ký hiệu M1, 0,1217gam mẫu ký hiệu M2 và toàn bộ bao gói; 01 bộ dụng cụ để sử dụng trái phép chất ma túy gồm 01 chai nhựa có nắp, 01 ống hút bằng nhựa, 01 bật lửa, 02 thẻ sim. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 600.000đ do B bán trái phép chất ma túy mà có. Tịch thu bán phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Nokia 1280 của M và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo của Nguyễn Thanh T do sử dụng vào việc phạm tội. Trả lại cho Hoàng Vũ Nhật A 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung; Đỗ Văn H 01 chiếc điện thoại di động Iphone; Viên Văn T1 01 chiếc điện thoại di động Oppo màu hồng do không liên quan đến việc phạm tội.

Đề nghị không áp dụng khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 của Bộ luật

Hình sự về phạt tiền đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn C, Viên Văn M và Nguyễn Thanh T thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như bản cáo trạng, không bào chữa và tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo Phùng Văn B không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cho rằng bị oan nhưng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo M, C và T khai nhận tội phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng đã được thu giữ, xác định tối ngày 17/2/2019, B đưa cho M 02 túi ma túy để M mang bán cho T đồng thời B chỉ đạo C đi theo M mang ma túy về quán Lasvegas bán cho T rồi cầm 800.000đ về cho B. Riêng bị cáo B không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo cho rằng bị cáo không có mâu thuẫn gì đối với bị cáo C, M và T. Việc C, M và T khai phù hợp nhau về việc bị cáo đưa ma túy cho M mang về bán cho T và chỉ đạo C đi theo M đến gặp T lấy tiền bán ma túy cầm về là do ngẫu nhiên C, M, T khai phù hợp nhau còn bị cáo không mua bán ma túy và cũng không cho ai sử dụng ma túy tại nhà. Xét thấy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 17h00’ ngày 17/02/2019, T lên cơn nghiện ma túy nên đã gọi điện thoại cho Hoàng Vũ Nhật A(tức D) hỏi D có ma túy không cho T xin ít thì D nói không có. T nói tiếp “có đồ không để cho chú 500.000 đồng” D đồng ý. Do không có ma túy, để giúp T mua được ma túy D đã gọi điện thoại cho M nói “T muốn mua 800.000đ tiền ma túy mang về cho T”, M nói "không có tiền để mang ma túy về” D nói “cứ mang về T khác trả tiền” thì M đồng ý. Sau đó, M gọi điện thoại cho T hỏi “mày điện cho D điện lấy đồ đúng không" T trả lời "vâng" M hỏi "ở đâu" T bảo "mang về quán". Lúc này, M và T1 đang chơi và sử dụng ma túy đá tại nhà ở của B, biết B có ma túy bán nên M nói với B “có người hỏi mua 800.000đ tiền ma túy” thì B hỏi M “chúng nó có tiền không”, M nói “anh cho người đi cùng lên lấy tiền”. B đồng ý rồi đi vào buồng ngủ lấy 02 túi ma túy đựng chung trong 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa các hạt tinh thể dạng đá màu trắng đưa cho M cầm và B bảo C đi theo M cầm 800.000đ tiền bán ma túy mang về cho B, sau đó M và C mang ma túy đến quán Karaoke Lasvegas bán cho T. Tại đây, T và C trao đổi mua bán ma túy với nhau, T có 600.000đ còn thiếu 200.000đ không đủ trả

cho B nên C đã mượn điện thoại của T để gọi cho B rồi đưa điện thoại cho B nói chuyện với T để T xin B cho T nợ lại 200.000đ thì B đồng ý và bảo T trả T đưa cho C 600.000đ (nợ lại 200.000đ), C cầm tiền về đưa cho B 600.000đ tại nhà B. Sau khi mua được ma túy, T, M, Anh, H, T1, Huế, Dương đang sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát của quán karaoke Lasvegas thì bị Công an kiểm tra, bắt quả tang. Do hoảng sợ T đã giấu 01 túi ma túy còn lại dưới dễ gốc cây cạnh nhà vệ sinh của quán Karaoke Lasvegas. Tang vật thu giữ gồm: 01 túi nilon màu trắng, bên trong có chứa các tinh thể dạng đá màu trắng có khối lượng là 0,2299g kết luận là ma túy loại Methamphetamine; 01 ống nhựa có nắm được khoan lỗ nhỏ, 01 ống hút bằng nhựa, 01 cóng thủy tinh, 01 bật lửa; 05 chiếc điện thoại di động và 02 xe mô tô các loại.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Phùng Văn B, Nguyễn Văn C và Viên Văn M đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; cụ thể điều luật quy định:

" 1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy thì thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm".

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thanh T đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 điều 249 Bộ luật Hình sự; cụ thể điều luật quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c)…Methamphetamine…có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;"

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, ảnh hưởng đến nòi giống, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người; gây ra một lớp người nghiện trong xã hội làm tác hại cho chính bản thân người nghiện và gia đình họ cũng như cho cộng đồng nói chung. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét về nhân thân, tính chất mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo B, C và M phạm tội theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 07 năm tù; bị cáo T phạm tội theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, có mức cao nhất của khung hình

phạt đến 05 năm tù nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì các trường hợp nêu trên đều thuộc tội phạm nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội các bị cáo C, M và T là những người có nhân thân xấu, bị cáo M và bị cáo T đã từng có thời gian đi chấp hành trong trại giam, bị cáo C đã bị áp dụng biện pháp xử lý đưa vào cơ sở cai nghiện. Ngoài ra, các bị cáo B, C còn thực hiện việc mua bán ma túy trên địa bàn huyện Tam Dương. Điều đó thể hiện các bị cáo là người bất chấp coi thường pháp luật. Trong vụ án này, mặc dù số lượng ma túy mua bán trái phép là không lớn nhưng hành vi được thực hiện với lỗi cố ý, động cơ là thu lời bất chính, hiện tại trên địa bàn huyện Tam Đảo các tội phạm về ma túy có chiều hướng gia tăng, đây là nguyên nhân làm mất ổn định tình hình an ninh chính trị tại địa phương và phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo C, M và T đã "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" để giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Riêng bị cáo B không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải". Ngoài ra, bị cáoT có 01 tiền án, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này là tái phạm nên phải chịu tình tiết để tăng nặng trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm C việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định các bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về vật chứng: Đối với cóng thủy tinh, túi nilon của mẫu ký hiệu M1, 0,1217gam mẫu ký hiệu M2 và toàn bộ bao gói; 01 bộ dụng cụ để sử dụng trái phép chất ma túy gồm 01 chai nhựa có nắp, 01 ống hút bằng nhựa, 01 bật lửa, 02 thẻ sim không có giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu huỷ. Đối với 01 điện thoại di động Nokia 1280 thu của Viên Văn M và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo thu của Nguyễn Thanh T là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu, bán nộp ngân sách nhà nước. Đối với số tiền 600.000đ do B bán trái phép chất ma túy mà có cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước; Cân trả lại cho Hoàng Vũ Nhật A 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung; Đỗ Văn H 01 chiếc điện thoại di động Iphone; Viên Văn T1 01 chiếc điện thoại di động Oppo màu hồng do không liên quan đến việc phạm tội theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[6] Về các vấn đề khác: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phùng Văn B, Nguyễn Văn C và Viên Văn M phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phùng Văn B 04(bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án

Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Viên Văn M 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 27/2/2019).

Căn cứ khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 18/2/2019).

Căn cứ khoản 1Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu để tiêu huỷ cóng thủy tinh, Túi nilon của mẫu ký hiệu M1, 0,1217gam mẫu ký hiệu M2 và toàn bộ bao gói; 01 bộ dụng cụ để sử dụng trái phép chất ma túy gồm 01 chai nhựa có nắp, 01 ống hút bằng nhựa, 01 bật lửa, 02 thẻ sim không có giá trị sử dụng; tịch thu, bán nộp ngân sách nhà nước.01điện thoại di động Nokia 1280 thu của Viên Văn M và 01 chiếc 01điện thoại di động nhãn hiệu Oppo thu của Nguyễn Thanh T; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 600.000đ do B bán trái phép chất ma túy mà có;

Trả lại cho Hoàng Vũ Nhật A 01 chiếc 01điện thoại di động nhãn hiệu Samsung; Đỗ Văn H 01 chiếc 01điện thoại di động Iphone; Viên Văn T1 01 chiếc 01điện thoại di động Oppo màu hồng do không liên quan đến việc phạm tội.

(Đặc điểm tang vật như biên bản bàn giao vật chứng ngày 27/6/2019).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Phùng Văn B, Nguyễn Văn C, Viên Văn M và Nguyễn Thanh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
-VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Trại tạm giam-CA Vĩnh Phúc;
- C an huyện Tam Đảo;
- Chi cục thi hành án Tam Đảo;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Thị Vân Hồng